

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ SÁCH “LỄ HỘI CHUYỂN MÙA CỦA NGƯỜI CHĂM” CỦA NGÔ VĂN DOANH

SAKAYA *

1. Đặt Vấn Đề

Cuốn sách *Lễ hội chuyển mùa của người Chăm* của PGS. Ngô Văn Doanh do Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 2006. Sách có 225 trang, bao gồm lời nói đầu, phần phụ lục, 5 phần, 14 chương và 55 hình ảnh (18 ảnh màu và 37 ảnh trắng đen). Nội dung nói về lễ hội Chăm, cụ thể là lễ Rija Nagar, lễ Po Nai, lễ Po Sah Ina, lễ Yuer Yang⁽¹⁾ và những thành tố để cấu thành lễ hội Chăm như di tích đền tháp, vũ điệu đập lửa, bài tụng ca và đồ vật dâng cúng.v.v. Qua đó tác giả kết luận, những lễ đầu năm của người Chăm là lễ hội mang tính chất chuyển mùa. Đây là một cuốn sách in đẹp, nhiều ảnh màu đắt tiền, chữ in to, rõ ràng và dễ đọc.

Tuy nhiên, cuốn sách này không có gì mới về văn hóa Chăm mà chỉ là cuốn sách tập hợp một số bài viết cũ từ sách *Lễ Rija Nagar của người Chăm* của chính tác giả xuất bản năm 1998⁽²⁾. Sau đó, cũng từ những phần bài viết trong sách *Lễ Rija Nagar của người Chăm* này, tác giả đã trích ra từng phần để đăng lại rải rác trên tạp chí Đông Nam Á từ năm 1999 đến 2002⁽³⁾. Và đến năm 2006, tác giả lại một lần nữa tập hợp những bài viết trên và có bổ sung thêm một vài lễ mới để in thành cuốn sách mang tên *Lễ hội chuyển mùa của người Chăm*.

Mặc dù, những vấn đề về lễ hội Chăm, cụ thể là Rija Nagar được chính tác giả viết đi viết lại rất nhiều lần trong thời gian hơn 8 năm (1998-2006) nhưng sách *Lễ hội chuyển mùa của người Chăm* của PGS. Ngô Văn Doanh lại vấp phải 3 vấn đề đáng chú ý là: Sách viết sai nhiều lỗi chính tả tiếng Chăm; sách nhận diện sai lệnh về bản chất lễ hội và văn hóa Chăm; và sách vi phạm bản quyền bài viết và hình ảnh của người khác.

2. Những vấn đề sai lầm trong cuốn sách

2. 1. Sách viết sai nhiều lỗi chính tả tiếng Chăm

Trong sách của PGS. Ngô Văn Doanh, cái ưu thế nổi bật của tác giả là đầu tư nhiều thời gian điền dã ở vùng Chăm và chọn được đề tài nghiên cứu về lễ hội - một đề tài rất hấp dẫn và cũng là đề tài khó nhất trong hàng loạt những đề tài nghiên cứu về văn hoá Chăm. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của việc nghiên cứu văn hóa Chăm cũng như lễ hội Chăm đòi hỏi người nghiên cứu phải biết đọc và viết thông thạo tiếng Chăm. Vì văn hoá Chăm là văn hóa tồn tại trên bi kí, văn bản viết là chính, chứ không phải văn hóa truyền miệng trong dân gian như một số dân tộc không có chữ viết. Bằng chứng, hầu hết những tên của lễ hội, diễn tiến nghi lễ, đồ vật dâng cúng, đặc biệt là những bài thánh ca và lời cầu cúng đều được người Chăm đọc, hát bằng tiếng Chăm và mảng tư liệu này được họ ghi chép lưu giữ bằng văn bản. Trong cuốn sách, tác giả đã cố gắng thể hiện đầy đủ thao tác nghiên cứu của mình, có nghĩa

* Thạc sĩ, Nghiên cứu viên Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm, tỉnh Ninh Thuận

là tác giả ít nhiều có sử dụng một vài tư liệu từ nguồn văn bản lễ hội Chăm và ghi chép những tên lễ hội, đồ vật dâng cúng đều bằng tiếng Chăm. Thế nhưng rất tiếc rằng, đa số từ Chăm tác giả viết đều sai. Sau đây là những trường hợp điển hình:

- Trong lời mở đầu, tác giả viết: “Chúng tôi xin dùng chữ và nghĩa của hai từ của người Chăm “Bơ Kakauk” chỉ khoảng thời gian chuyển mùa để làm tên gọi của cuốn sách của mình” (tr. 5).

Đây là cụm từ rất quan trọng, vì tác giả dịch từ này ra từ chủ đề của cuốn sách và cũng là đối tượng nghiên cứu chính của tác giả. Thế nhưng tác giả viết sai, thành vậy, độc giả không hiểu cụm từ đó có nghĩa là gì? Hơn nữa, trong hệ thống lễ hội Chăm từ xưa đến nay, đặc biệt, trong 75 lễ tục (lễ hội) mà chúng tôi thống kê trong sách *Lễ hội của người Chăm*⁽⁴⁾ không có một loại lễ nào gọi “Lễ hội chuyển mùa” (Bơ Kakauk) như tác giả viết.

Tác giả còn viết sai và viết tùy tiện, không thống nhất với nhau các tên địa danh, tên đất và tên người của người Chăm. Chẳng hạn những từ sau đây:

Maduen (thầy võ trống Baranang), tác giả viết *Mutôn* (tr. 51) nhưng cũng có khi viết *Mutôn*, *mutôn* và *Mudôn* (tr. 54, 60, 165, 167)⁽⁵⁾.

Cei (hoàng tử), tác giả viết là *Cey* nhưng cũng có khi viết *Cêy* hoặc *Cay* (tr. 55, 56).

Ka-Ing (thầy bóng), tác giả viết Ông *Kaing* nhưng có khi viết Ông *Ing* hoặc Ông *inh* (tr. 55 và 56)

Làng Vĩnh Thuận hay Bầu Trúc có tên Chăm là *Palei Hamu Craok* nhưng tác giả viết *Palay Hamu Cờ* và có khi cũng viết là *Palay Tanaw Parang* (?); Làng Bầu Trúc, tác giả viết *Bầu Trúc* nhưng cũng có khi cũng viết là *Bầu Trúc* (tr. 55, 84).v.v

Bilan bhang (mùa khô), tác giả viết *pāl pinh piang* (tr. 39).

Cek (núi), tác giả viết *Chah* và cũng có khi viết *Cơ* (tr. 112).

Manosak (chúng sinh), tác giả viết *mưnô-sả* (tr.140).

Manuk (con gà), tác giả viết là *mưnu* và cũng có khi viết là *mưnư* (195)

Đó là một vài lỗi chữ Chăm điển hình trong hàng trăm lỗi sai trong sách của PGS. Ngô Văn Doanh. Tác giả viết sai hầu hết những thuật ngữ chuyên môn, danh từ riêng, tên đất, tên người bằng tiếng Chăm – những đối tượng nghiên cứu chính trong sách của tác giả trong suốt 225 trang.

2. 2. Sai lầm về việc nhận diện một số vấn đề về lễ hội và văn hóa Chăm

- Tác giả viết rằng: “Mukah (Mecca) tận xứ Ả Rập” (tr. 128) (sai).

Vì Mukah (Makah) là địa danh thường xuất hiện trong văn bản Chăm, cụ thể là trong những bài thánh ca (Damnây) Po Rayak, Po Tang Ahaok, Ariya Nai Mai Makah⁽⁶⁾. Đây là địa danh dùng để ám chỉ Kelantan, một tiểu vương quốc ở miền bắc Liên bang Malaysia có mối quan hệ mật thiết với Champa và Cambodia sau thế kỷ XV. Đây là trung tâm Hồi giáo lớn nhất ở vùng Mã Lai- Đa Đảo sau ngày Melaka thất thủ trước Bồ Đào Nha vào năm 1511. Hiện nay, Kelantan vẫn còn được người Mã Lai gọi là “*Serambi Mukah*” (Verandah of Mecca)- Mái hiên của thánh địa Hồi giáo⁽⁷⁾.

- Lịch pháp (ngày tháng) là một phần quan trọng để hình thành nên lễ hội Chăm. Trước khi nghiên cứu về lễ hội, đòi hỏi người nghiên cứu phải nắm rõ được chu kỳ thời gian, ngày tháng năm và mùa màng mà người Chăm thường tổ chức lễ hội. Thế nhưng khi tìm hiểu

phần lịch Chăm, tác giả đã hiểu sai về lịch Chăm.

Tác giả viết: “Và cho đến ngày nay, những người theo Hindu giáo ở Ấn Độ và Đông Nam Á (người Bali ở Indonesia và người Chăm Balamôn ở Việt Nam) vẫn còn sử dụng hệ thống lịch saka, đặc biệt là trong việc xác định ngày tháng cho công việc làm nông lịch và tính toán những ngày lễ tết trong năm” (tr. 37).

Đây là cách hiểu sai về lịch Chăm. Vì hầu hết các bi kí đã được tìm thấy tại di tích, đền tháp Champa cho biết: Bia Biên Hòa (1343 saka = 1421 CN) là bia ghi niên đại cuối cùng của lịch Saka trên toàn lãnh thổ vương quốc Champa⁽⁸⁾. Kể từ đó đến hôm nay, người Chăm không còn sử dụng lịch Saka của Ấn Độ như tác giả viết ở trên. Bởi vì sau thế kỷ thứ XV nền văn minh Ấn giáo suy tàn, kể từ đó lãnh thổ Champa bị thu hẹp lại ở vùng Panduranga (Ninh – Bình Thuận ngày nay) và chính họ đã tự tạo cho mình một nền văn minh mới gọi là “nền văn minh Panduranga”⁽⁹⁾. Nền văn minh này là một sự dung hợp giữa văn hoá bản địa pha lẫn với tàn dư Ấn giáo và cộng thêm với văn hóa Hồi giáo do người Mã Lai truyền đến. Kể từ đó, dân tộc Chăm thay thế lịch Saka thành một thứ “lịch pháp mới” gọi là Sakawi (= Saka + Jawi)⁽¹⁰⁾, tức là lịch hỗn hợp giữa lịch Saka của Ấn Độ và lịch Hijra của Hồi giáo⁽¹¹⁾. Lịch này, có cách tính ngày tháng, năm nhuận, tháng nhuận mùa màng khác hẳn lịch Saka của Ấn Độ mà người Chăm đã dùng trên bia kí.⁽¹²⁾ Do vậy, từ sau thế kỷ XV cho đến ngày nay, trong những tài liệu hành chánh của hoàng gia Champa do người Pháp phát hiện viết từ năm 1702-1810⁽¹³⁾ cũng như trong những sinh hoạt hàng ngày như quang, hôn, tang, tế, đặc biệt là trong lễ hội thì người Chăm không sử dụng lịch Saka Ấn Độ như tác giả lầm tưởng mà sử dụng lịch Sakawi. Rõ ràng tác giả chưa nhận thức được lịch Chăm trong tổ chức lễ hội ngày nay như thế nào? Do bài viết về lịch Chăm của tác giả có vấn đề nên cũng bị Lý Tùng Hiếu và Đồng Lấn phê bình trong cuốn sách *Đời sống Văn hoá và Xã hội người Chăm t/p Hồ Chí Minh*⁽¹⁴⁾

- Ở một trang sách khác, tác giả viết: “vừa cho Salih ăn, ông thầy Bóng vừa căn dặn chúng” (tr. 75).

Thực ra là ông Maduen dặn dò Salih, chứ không phải là ông thầy Bóng như tác giả viết. Vấn đề này xem lại hình ảnh của lễ Rija Nagar mà chính tác giả đăng ở tr. 87. Hình này thầy Maduen, mặc áo trắng ngồi trước mâm lễ đang dặn dò Salih, ông thầy Bóng (Ka-Ing) cầm roi mặc áo đỏ, đứng sau thầy Maduen như một người phụ lễ. Tác giả còn viết: “xét về mặt nào đó, ông thầy Bóng có vai trò gần như thánh Alla” (tr. 83). Nhưng tiếc rằng, theo luật của Hồi giáo được ghi trong kinh Koran cũng như trong tín ngưỡng của người Chăm: “Alla là thượng đế tối cao”, vì vậy không có ai là người trần hoặc những người không phải là tín đồ Hồi giáo lại có quyền thay thế hoặc đóng vai trò như thánh Alla. Trong tín ngưỡng Chăm, ông Ka-Ing, được tác giả gọi “thầy Bóng” là thuộc chức sắc tín ngưỡng dân gian không thuộc Hồi giáo mà chỉ có Po Acar, tu sĩ của người Chăm Hồi giáo Bani (Chăm Awal) là người được phép đại diện cho thánh Alla, chứ không phải ông Ka-Ing (thầy Bóng) như tác giả đã viết. Vấn đề này được văn bản Chăm viết rất rõ ràng về mối quan hệ của các vị tu sĩ Chăm với thánh Alla trong lễ Rija như sau:

“Maduen, acar nan bangsa hagait, Maduen nan sadah tok ka Po Bar Gana danaok daok pak nagar Makah, Po Aulaoh patrui marai min, Po Acar nan sadah tok ka Po Aulaoh, Muk Rija nan sadah tok hagait, nan lang yah wek sadah tok ka anak Po Aulaoh min,”⁽¹⁵⁾

(Tạm dịch: thầy Maduen và Po Acar tượng trưng cho cái gì? thầy Maduen là đại diện cho Po Bar Gana có bàn tổ ở xứ Makah do thánh Alla sai xuống. Po Acar là đại diện cho Po

Aulaoh. Muk Rija tượng trưng cho cái gì? Giải thích là Muk Rija tượng trưng cho đứa con của thánh Alla).

Chúng ta thấy rõ ràng, tư liệu nói về vai trò của các tu sĩ trong lễ Rija Chăm trên không đề cập gì đến vai trò của ông Ka-Ing (thầy Bổng) trong mối quan hệ với thánh Alla mà chỉ đề cập đến Muk Rija, Maduen và Po Acar. Như vậy rõ ràng, tác giả đã bị nhầm lẫn vấn đề này.

- Trong cuốn sách, tác giả còn đề cập đến những vị thần Chăm như Po Nai (tr. 92-101), Po Sah Ina (tr. 102-108), Po Rayak (tr. 125-133) nhưng tác giả chưa nghiên cứu rõ ràng về các vị thần này. Vì đây là những nhân vật có tiểu sử rõ ràng, được người Chăm ghi chép lại qua văn bản bằng chữ Chăm gọi là Dalukal, Damnây và Ariya như Dalukal Po Sah Ina, Damnây Po Nai, Damnây Po Rayak, v.v.⁽¹⁶⁾. Hiện nay những văn bản này vẫn còn lưu giữ ở một số gia đình ở làng Chăm, ở Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm Ninh Thuận, ở Viện Viễn Đông Pháp và một vài bộ sưu tầm cá nhân. Đặc biệt, đã có một vài trong những sổ văn bản trên mà tác giả đã sưu tầm được và đã công bố trong sách *Lễ hội Rija Nugar của người Chăm*. Thế nhưng khi sưu tầm, nghiên cứu, do không đọc được văn bản Chăm cho nên dẫn đến việc tác giả nhận định sai lệch về những vị thần này. Có một điều khó hiểu ở đây, mặc dù tác giả đã từng tuyên bố là tác giả đã sưu tầm đầy đủ các văn bản Chăm viết về các vị thần, nhưng tác giả lại không phân tích văn bản mà luôn dựa vào lời kể chủ quan của một vài người Chăm. Từ đó tác giả bỏ nhiều giờ để bàn luận về nguồn gốc của các vị thần trên cả mấy chương sách⁽¹⁷⁾ để rồi suy luận một cách chủ quan. Bằng chứng, khi bàn luận về các vị thần, tác giả ghi tên của các vị thần Chăm cũng không đúng và đầy đủ nói gì bàn đến nội dung khác mà tác giả nhận định về các vị thần linh trong lễ hội Chăm. Chẳng hạn, tác giả viết về vị thần Po Nai như sau:

“Truyền thuyết của người Chăm (sự tích Po Nai) kể rằng, xưa kia, có một gia đình quý tộc người Chăm sinh ba chị em gái là Nai Mui Ghang, Nai Hali Hlăng [<Halăng]- Tabăng Mui và Nai Tangya (tức là Po Nai)”⁽¹⁸⁾.

Tư liệu này, tác giả lấy ở đâu? ai là người kể cho tác giả? Vì rằng chính trong văn bản Chăm (Damnây Po Nai) mà tác giả đã công bố trong 2 cuốn sách, *Lễ Rija Nagar* và *Lễ hội Chuyển mùa của người Chăm* lại cho rằng: Po Nai có hai em gái là “Raki và Raki”⁽¹⁹⁾, chứ không phải tên là “Nai Mui Ghang, Nai Hali Hlăng [<Halăng]- Tabăng Mui” như tác giả viết. Tác giả suy nghĩ gì về những điều mâu thuẫn này trong việc sử dụng tư liệu của tác giả?

Sự thật Po Nai là tên gọi dân gian, tên cúng thần là Nai Tangya Bia Tapah. Vị thần này được người Chăm thờ ở Núi Chà Bang- Văn Lâm- Ninh Thuận. Theo văn bản Chăm ghi lại, Po Nai còn có hai chị em gái tên là Raki - tên cúng thần đầy đủ là Nai Mah Ghang Tang Di Nagar (dân gian còn gọi là Nai Mah Ghang) và Rakit - tên cúng thần là Nai Mah Rung Ta-ung Nagar (dân gian còn gọi là Nai Hali Halang Tabang Mah) (20). Hai nữ thần này được người Chăm thờ tại một ngôi đền ở làng Như Ngọc (Palei Padra)- Ninh Thuận. Vấn đề này cho thấy rõ ràng rằng, tác giả chưa nhận diện đầy đủ về các vị thần và không phân biệt được đâu là tên cúng thần, đâu là tên thật của 3 nữ thần nêu trên.

Cũng tương tự như vậy. Po Rayak tên thật là Ja Eih Wa; tên cúng thần trong lễ Rija Nagar và Rija Harei là Po Rayak; tên cúng theo *Cei* là tên Cei Praong; và tên cúng lễ trọng lễ Rija Praong mang tên Ramat Tituk⁽²¹⁾. Thế nhưng khi đề cập đến việc cúng lễ của vị thần này tác giả chỉ nêu được tên Po Rayak hay tên là Eih Wa, còn những tên khác của vị thần này tác giả không đề cập đến.

Chú ý, mỗi tên gọi của vị thần đều có giai thoại và cách cúng lễ riêng mà nếu đọc qua văn bản Chăm một cách nghiêm túc thì tác giả sẽ nhận diện đầy đủ về tên nhân vật, ngày tháng năm sinh, quê quán, cuộc đời sự nghiệp cũng như công trạng của các vị thần trong lịch sử Champa. Bỏ đi một tên hoặc một biệt hiệu của vị thần Chăm là bỏ mất đi một phần tiểu sử của họ. Tác giả đã vấp phải lỗi này. Nguyên nhân chính, là do tác giả chưa sưu tầm đầy đủ tư liệu và cũng không đủ khả năng để xử lý tư liệu thông qua văn bản Chăm mà luôn phụ thuộc vào người dịch và người phỏng vấn. Cho nên tác giả đã mất đi tính độc lập và tự chủ trong nghiên cứu. Từ đó dẫn đến hậu quả, tác giả viết tên sai cũng như nhận diện sai về một số vị thần Chăm.

- Trong sách của tác giả ở “chương mười ba, Toh Mưtôn” (viết đúng chính tả phải là Adaoh Maduen), tác giả có nhiều sai lầm nghiêm trọng về việc nhận diện về nội dung bài thánh ca của thầy Maduen trong hát lễ Rija Nagar.

Tác giả viết rằng: “Trên cơ sở 15 bài tụng ca đã được sưu tầm mà chúng tôi đã phiên âm, dịch nghĩa và cố dịch thành dạng thơ lục bát như kiểu thơ người Chăm (chúng tôi đã cho in song ngữ tất cả 15 bài *toh mưtôn* trong cuốn sách: *Lễ hội Rija Nagar của người Chăm*, Nxb. Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 1998” (tr. 183)⁽²²⁾.

Đoạn văn trên thông tin cho chúng ta biết rằng, tác giả là người biết đọc tiếng Chăm thông thạo. Ở người Chăm chúng tôi, hiện nay đang sinh sống ở Việt Nam có khoảng 133 ngàn người⁽²³⁾, nhưng người đọc được văn bản Chăm một cách thông thạo chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Nếu quả thật, tác giả thực sự đọc được văn bản Chăm thì đáng để cho người Chăm cũng như giới nghiên cứu Champa ở Việt Nam và Quốc tế tôn vinh. Nhưng thực ra, như chúng tôi đã trình bày ở phần đầu bài viết này, tác giả viết những từ đơn giản nhất của tiếng Chăm còn sai, nói gì nói đến việc đọc văn bản chữ Chăm của lễ hội.

Bằng chứng, tác giả viết như sau: “Các bài hát tiến mà ông thầy Võ hát đều bằng tiếng Jawa mà những người Chăm bình thường không thể hiểu được” (tr. 84).

Xin thưa với tác giả rằng, ngoài những bài kinh cầu cúng, bài hát lễ trong lễ Rija Praong là được viết bằng tiếng Mã Lai (Jawa Ahaok) thì toàn bộ những bài hát trong lễ Rija Nagar và Rija Harei mà tác giả đề cập trên không có một bài hát nào là bằng tiếng Chà Và như tác giả viết mà chỉ bằng tiếng Chăm được viết bằng văn vần rất dễ thuộc, dễ nhớ và người Chăm bình thường, nếu biết tiếng Chăm thông thạo có thể đọc hiểu.

Tác giả còn khẳng định: “Các bài tụng ca hầu như không được ghi chép lại thành văn bản mà chủ yếu được lưu giữ bằng phương thức truyền miệng trong dân gian” (tr.184).

Câu viết trên chứng minh rằng: tác giả chưa bao giờ thấy văn bản lễ hội Chăm như thế nào mà chỉ phỏng đoán. Vì tất cả những bài hát về các vị thần Chăm mà tác giả nêu trên là được người Chăm lưu giữ bằng văn bản và chỉ có thầy Maduen mới được giữ lấy và học thuộc nó để hát lễ trước khi trở thành thầy Maduen, chứ văn bản và lời hát lễ này không được truyền bá trong dân gian như các loại truyện cổ của người Chăm, vì nó liên quan đến cái thiêng của các vị thần thánh. Hiện nay, cá nhân chúng tôi đã sưu tầm được 24 văn bản về hệ thống lễ Rija của thầy Maduen (đánh mã số kí hiệu từ VMST.1–VMST. 24) với tổng số 1.110 trang⁽²⁴⁾. Đây là bằng chứng, nói lên rằng các bài tụng ca của thầy Maduen được lưu giữ bằng văn bản, chứ không phải truyền miệng trong dân gian như tác giả đã viết.

Như vậy, qua phân tích và chứng minh trên, chúng ta thấy rõ ràng tác giả không biết tiếng Chăm, không đọc được văn bản Chăm và cũng không biết trong văn Chăm viết bằng

loại chữ gì? Từ đây, độc giả nghi ngờ rằng 15 bài tụng ca của người Chăm mà tác giả đăng trong cuốn sách *Lễ Rija Nugar* cũng như trong *Lễ hội chuyển mùa của người Chăm* là những văn bản tác giả tự sưu tầm dịch thuật hay là chép lại từ văn bản, dịch thuật của người khác. Vấn đề này, trong bài “Trao đổi về cuốn *Lễ hội Rija Nugar* của người Chăm của Ngô Văn Doanh”⁽²⁵⁾, Inrasara đã đặt ra câu hỏi với tác giả rằng : “cuối cùng chúng tôi khá thắc mắc về các nguồn gốc các bài tụng ca mà Ngô Văn Doanh sưu tập. Anh lấy các tư liệu này ở đâu? Ai cung cấp? Vị nào đã giúp anh dịch chúng ?”⁽²⁶⁾. Những câu hỏi trên, gần 8 năm qua, tác giả vẫn chưa trả lời rõ ràng cho Inrasara, cho cộng đồng người Chăm và cho cả giới nghiên cứu Champa nhưng hôm nay, trong sách *Lễ hội chuyển mùa của người Chăm* tác giả lại tiếp tục vi phạm bản quyền của người khác.

2. 3. Vi phạm bản quyền (bài viết và hình ảnh) của người khác

2. 3. 1 Vi phạm bản quyền tác phẩm:

Trong chương mười, bài lễ “Yôr Yang” (tr. 151), tác giả có viết một đoạn văn và hai đoạn thơ như sau : “ Trong khói trầm hương, Ông Kadhar vừa kéo nhị vừa hát bài hát lễ xin mở cửa tháp. Lời hát có đoạn :

*Hãy xông hương trầm bằng lửa thiêng
Đây là hương trầm của người trần dâng lễ
Hương trầm bay tỏa ngát,
chúng con xin mở cửa tháp cúng thần”*

...

*“Chúng con mang nước này từ sông thiêng tới,
Để tắm, để gội đầu, để rửa tay chân cho thần”*

Đoạn văn và thơ trên, tác giả chép từ cuốn sách Sakaya (Văn Môn), *Lễ hội Katé Chăm 2000* và *Lễ hội của người Chăm*⁽²⁷⁾. Chúng ta hãy xem nguyên bản đoạn văn và thơ của Sakaya sưu tầm và dịch như sau:

“Lời hát lễ có đoạn sau :

*Hãy xông hương trầm bằng lửa thiêng ,
hương trầm của người trần dâng lễ
Hương trầm bay tỏa ngát không gian,
chúng con xin mở cửa tháp cúng thần
(Cuk dhuk pahol tangin,
Péh mbang yang bitau yang Po Klaong Garai la ayot
Cuk dhuk klaong ba kabah ka-nđă,
Péh mbang yang Po Klaong Garai la ayot)*

...

*“Chúng con mang nước này từ sông thiêng,
xin tắm, gội đầu , rửa tay chân cho thần*

Độc giả hãy so sánh hai đoạn thơ dịch trên, chúng ta thấy, tác giả đã chép đoạn thơ dịch ấy từ những cuốn sách của Sakaya nhưng tác giả lại tùy tiện thêm bớt một số từ tiếng Việt và lược bỏ mất đoạn thơ bằng chữ Chăm.

Ở tr. 151-152, tác giả còn chép một đoạn thơ như sau:

“ông Kadhar hát:

Tiếng thác trên cao đổ xuống

Thần mặc váy để về dự lễ

Tiếng thác đổ xuống ào ào

Thần mặc áo bào về dự lễ

Tiếng thác đổ sâu xuống biển

Thần đội mũ vàng về dự lễ”.

Hãy so sánh đối chiếu đoạn thơ trên của tác giả với nguyên bản đoạn thơ trong sách *Lễ hội Katé Chăm năm 2000*, tr. 13 và *Lễ hội của người Chăm* của Sakaya, tr.140-141 như sau:

Nghe tiếng thác đổ trên núi cao,

Thần Po Klaong Garai mặc váy viền hoa về dự lễ

Tiếng thác đổ xuống rì rào,

Thần Po Klaong Garai mặc áo bào về dự lễ

Tiếng thác đổ xuống vịnh sâu,

Thần Po Klaong Garai đội mũ vàng về dự lễ.

(Danây aia lek di cek,

Po Klaong krân jih tamun di aia tagok maney.

Danây aia lek di tul,

Yang Po Klaong Garai krân talei ka-ing jih tamun di ia tagok maney.

Danây aia lek di sa,

Yang PoKlaong Garai krân cuk aw lita di ia tagok la maney ...)

Rõ ràng, đoạn thơ tiếng Việt của tác giả nêu trên chính là đoạn thơ chép từ trong sách của Sakaya vừa nêu trên, nhưng tác giả lại tự tiện sửa chữa, thêm bớt một số từ để rồi chú thích rằng: đoạn thơ trên là do tác giả trích « theo Glăng Anak, trong Panrang, số 6, Phan Rang, 1973 (Thiên Sanh Cảnh Dịch)»⁽²⁸⁾.

Vấn đề này, xin thưa với tác giả rằng, chúng tôi đã bỏ công đọc lại « Ariya Glăng Anak » trong *Nội San Panrang*, số 6, 1973, từ tr. 18-19. Trong *Nội San* này, bài «Ariya Glăng Anak (tiếp theo)» có tất cả 9 cặp thơ (18 câu) bằng tiếng Chăm và 9 cặp thơ (18 câu) bằng lời dịch tiếng Việt nhưng không có một câu, một đoạn thơ nào tiếng Chăm -Việt mà trùng với đoạn thơ mà tác giả nêu ở trên.

Cũng xin lưu ý với tác giả rằng, người Chăm chúng tôi không ai diên khùng gì mà đọc *Ariya Glang Anak* trong ngày lễ Yuer Yang hoặc lễ Katé ở đền tháp Chăm. Bởi vì, *Ariya Glang Anak* là một tác phẩm văn chương phục vụ trong đời sống thường ngày. Cho nên trong hệ thống lễ hội cúng tế đền tháp hiện nay, chỉ có bài Damnây (tiểu sử) của các vị thần như Po Klaong Garai, Po Rome, Po Ina Nagar ... là được thầy Kadhar hát và kéo đàn Rabap (Kanyi) mà chúng tôi đã trình bày đầy đủ và rõ ràng trong cuốn sách *Lễ hội của người Chăm*. Tất cả những đoạn thơ trên là do chúng tôi sưu tầm và dịch nguyên bản chữ Chăm từ các bài tụng ca (Damnây) của thầy Kadhar hát về nghi lễ Katé cũng như Yuer Yang tại tháp Po Klaong Garai Ninh Thuận⁽²⁹⁾.

Cũng cho tác giả biết rằng, trong lịch sử nghiên cứu Champa bắt đầu từ đầu thế kỉ XIX cho đến tận ngày hôm nay, ngoài trừ tác giả A. Cabaton có dịch giới thiệu sơ lược vài đoạn

tiêu biểu về văn bản bài hát lễ Kadhar trong lễ đền tháp bằng tiếng Chăm- Pháp⁽³⁰⁾, thì chúng tôi chính là người đầu tiên công bố lời dịch văn bản các bài hát lễ Kadhar này đầy đủ nhất bằng tiếng Chăm và tiếng Việt. Những bài hát này lần đầu tiên chúng tôi công bố sơ lược trong cuốn *Sách Lễ hội Katê Chăm năm 2000*. Sau đó bản dịch này được chúng tôi bổ sung và in lại tương đối đầy đủ trong cuốn *Lễ hội của người Chăm* vào năm 2003.

Đến đây chúng ta thấy rằng, tác giả Ngô Văn Doanh đã vi phạm bản quyền tác phẩm. Tác giả đã tự ý chép bài viết của chúng tôi, mặc dù những đoạn chép có để trong ngoặc kép hẳn hoi nhưng tác giả lại tùy tiện thêm bớt một số từ, không trích dẫn tên tác giả, nguồn tư liệu. Tác giả còn đánh tráo tư liệu từ bài viết của chúng tôi trở thành bài viết của người khác.

2. 3. 2. Vi phạm bản quyền hình ảnh.

Bên cạnh chép bài viết, cuốn sách của tác giả còn copy cả hình ảnh trong sách *Lễ hội của người Chăm* của chúng tôi xuất bản 2003 như sau:

1. Ảnh: Múa đập lửa trong hội múa đầu năm- Rija Nugar
2. Ảnh: Lễ tổng ôn [< lễ cúng đập nước]
3. Ảnh: Lễ hội cầu đảo- cúng thần Po Nai và Po Riyak
4. Ảnh: Lễ hội múa lớn – Lễ Rija Praung
(xem ảnh cụ thể ở phần phụ lục)

Một điều đáng nói ở đây, tác giả đã copy những ảnh trên rồi mà còn tự tiện sửa chữa một số chú thích ảnh của chúng tôi. Nếu tác giả sửa đúng thì chúng tôi vô cùng cảm ơn tác giả. Đằng này, chúng tôi đã chú thích đúng chủ đề của ảnh rồi mà tác giả tự sửa lại thành sai. Ví dụ, ảnh “lễ cúng đập nước” trong sách của chúng tôi, nhưng tác giả copy và tự sửa lại chú thích thành ảnh mang tên “Lễ Tổng ôn”. Xin thưa với tác giả rằng: ảnh mà tác giả tự sửa chú thích là ảnh nói về “Lễ cúng đập nước” hay còn gọi là “Lễ chặn nguồn nước” (*kap kraong halaw*) của người Chăm Bani tại làng Văn Lâm – Ninh Thuận vào ngày 18 tháng 11 năm 1995, chứ không phải là lễ “Tổng ôn” (Rija Nugar) như tác giả tự sửa chữa chú thích.

Trong 4 tấm ảnh nêu trên, ngoài hai tấm ảnh (Lễ hội cầu đảo và Lễ cúng đập nước) có nhiều người tham gia lễ hội cùng chụp ở những góc độ khác nhau cho nên sẽ có nhiều người có những tấm ảnh này. Nhưng có hai tấm ảnh mà chúng tôi khẳng định là chúng tôi độc quyền, không có ai có ngoài chúng tôi. Đó là ảnh “Múa đập lửa trong hội múa đầu năm - Rija Nugar” và “Lễ hội múa lớn – Lễ Rija Praung”. Bằng chứng cụ thể về bản quyền của hai tấm ảnh này, chúng tôi sẽ đưa ra bằng chứng nếu có sự tranh chấp.

Đó là những bằng chứng rõ ràng cho thấy PGS. Ngô Văn Doanh, tác giả của sách *Lễ hội chuyển mùa của người Chăm* đã vi phạm bản quyền bài viết và hình ảnh của chúng tôi.

3. Kết Luận

Toàn bộ cuốn sách *Lễ hội chuyển mùa của người Chăm* của PGS. Ngô Văn Doanh có nhiều vấn đề sai lầm về khoa học, trong đó có 3 vấn đề nổi bật: Đó là việc viết sai lỗi tiếng Chăm; nhận định sai lệch một số vấn đề về lễ hội và văn hoá Chăm; và vi phạm bản quyền của người khác. Trong tất cả 3 sai lầm nêu trên, có một sai lầm khó có thể chấp nhận được, đó là việc copy và vi phạm bản quyền của người khác. Đây là vấn đề đang có nhiều người quan tâm trong tình hình mà toàn Đảng, toàn dân ta đang phấn đấu thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp, trong đó có luật bản quyền của tác phẩm trong quá trình Việt Nam gia nhập vào

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và cùng hòa chung vào dòng chảy văn minh của nhân loại trong thế kỉ XXI này.



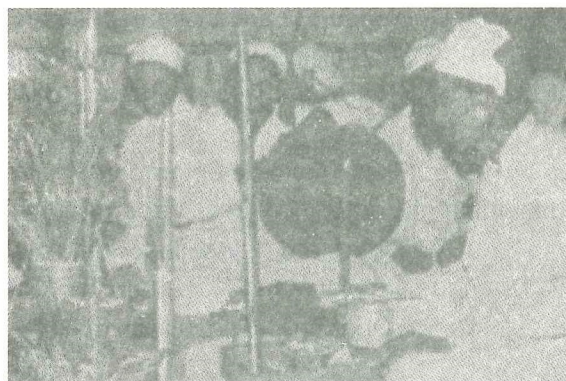
Ảnh 1: Múa đập lửa trong hội múa đầu năm - Rija Nugar



Ảnh 2. Lễ Tổng ôn [< Lễ hội cúng đập nước]



Ảnh 3. Lễ hội cầu đảo – cúng thần Po Nai, Po Riyak.



Ảnh 4. Lễ hội múa lớn – Lễ Rija Praung

CHÚ THÍCH

Bài này chúng tôi phiên chữ Chăm Latinh theo G. Moussay, Grammaire de la langue Cam, Les Indes savantes, Missions Étrangères de Paris, 2006. Ngược lại chữ Chăm phiên âm của Ngô Văn Doanh, khi chúng tôi trích dẫn trong bài viết thì vẫn giữ nguyên mặc dù cách viết của tác giả là sai. Tuy nhiên khi gặp những từ quan trọng mà Ngô Văn Doanh viết sai, chúng tôi muốn sửa thì chúng tôi để từ bị sửa trong dấu ngoặc này [< -] và chữ viết sai của Ngô Văn Doanh vẫn được giữ nguyên.

2. Ngô Văn Doanh, Lễ Rija Nagar của người Chăm, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội-1998.

3. Ngô Văn Doanh, “Rica Nugar - Lễ hội chuyển mùa của người Chăm”, trong Tạp chí ĐNÁ, Số 4, 1998, tr. 49-56; “Vũ điệu đập lửa trong lễ hội Rija Nugar của người Chăm”, Số 5, 1999, tr. 49-56; “ Lễ múa tổng ôn trong Lễ Rica Nugar của người Chăm”, Số.3, 2000, tr. 61-66 ; “Toh Mutôn trong Lễ hội Rija Nugar của người Chăm”, Số. 4, 2000, tr. 60-66; “Đồ cúng trong lễ Rija Nugar người Chăm - Những lớp văn hóa”, Số. 3, 2001, tr. 76-80 ; “Thần Sóng Po Riya: Từ kinh Coran đến thần điện của người Chăm”, Số 4, 2001, tr. 55-58 ; “Thần

điện đầu năm của lễ hội Rija Nugar của người Chăm”, Số 1, 2002, tr. 72-78 ; “Để có điệu múa thiêng trong lễ hội Rija Nugar”, Số 2, 2002, tr. 64-70; “Palao RijaSah với Lễ hội Rija Nugar của người Chăm”, Số 3, 2002, tr. 59-65 ; “Về tên gọi Rija và hệ thống lễ hội Rija Chăm”, Số 4, 2002, tr. 81-88 ; và “Huyền Thoại Đại hồng thủy trong lễ thánh kinh của người Chăm”, Số 6, 2002, tr. 54-58 .v.v

4. Xem Sakaya, Lễ hội của Người Chăm, Nxb Văn hoá Dân tộc, 2003, tr. 247- 251.

5. Trong cuốn Lễ hội Rija Nugar của người Chăm, Sdd, tr. 221, khi công bố các bài tụng ca tác giả tự qui ước rằng : tác giả “công bố toàn bộ bài tụng ca bằng tiếng Chăm qua phiên âm theo chuẩn của bộ Từ điển Chăm-Việt-Pháp do Gerard Moussay chủ biên in tại Phan Rang năm 1971”. Thế nhưng trong khi viết chữ Chăm trong cuốn sách Lễ Rija Nugar, 1998 và Lễ hội chuyển mùa của người Chăm, Sdd, tác giả không tuân theo cách viết của từ điển G. Moussay mà viết rất tùy tiện.

6. Xem các văn bản Chăm: Bài hát trong lễ Rija Nagar, Rija Harei (adaoh yang dalam Rija) của Maduen Đàng Rái, 70 tuổi, Vĩnh Thuận - Ninh Thuận (Tư liệu Văn Món sưu tầm mang kí hiệu VMST. 6) và Maduen Sầm Tánh, 56 tuổi, Bình Nghĩa- Ninh Thuận (VMST.16).

7. D. Lombard, La Carrefour Javanais : Essai d'Histoire Globale, Vol 1, Paris, EHESS, 1990, 196-197; Amran Kasimin, Religion and Social Change Among the Indigenous People of the Malay Peninsula, Dewan Bahasa dan Pustaka Kementerian Malaysia, Kuala Lumpur, 1991, tr. 175.

8. L. Finot, “Notes d'épigraphie...”, BEFEO XV (1915), tr. 14 ; Karl-Heinz Golzio (ed.), Inscription of Campa, Shaker Verlag Aachen, 2004, tr. 199.

9. Po Dharma, « L'Insulinde malaise et le Campa », trong BEFEO, 2000, tr. 183-192; Po Dharma, Nai Mai Mang Makah, EFEO, Kuala Lumpur, 2000, tr. 13- 39.

10. Po Dharma, « L'Insulinde malaise et le Campa », trong BEFEO, 2000, tr. 8.

11. Xem Mohammad Ilyas, Calendar in Islamic Civilization, Dewan Bahasa dan Pustaka, Kuala Lumpur, 1999.

12. Xem Thiên Sanh Cảnh, “Phương pháp tính lịch Chăm (Sakawi)”, trong Nội San Phan Rang số 3, 1973, tr. 16 -19; “Phương pháp tính lịch Chăm. Lịch thuần âm: Sakawi Awar”, Số 4, 1973, tr. 5-8; “Phương pháp tính lịch Chăm (Sakawi)”, Số 5, 1973, tr. 9-15. v.v.

13. Xem Inventaire des archives du Panduranga. Fonds de la Société Asiatique de Paris (pièces en caractères chinois), Travaux du CHCPI, Paris, 1984.

14. Lý Tùng Hiếu và Đồng Lấn, «Bước đầu tìm hiểu các hệ lịch của Người Chăm» trong Đời sống Văn hoá và Xã hội người Chăm t/p HCM, Phú Văn Hân (Chủ biên), Nxb VHDT, 2005, tr. 152-179.

15. VMST.10.

16. Xem Sakaya, Lễ hội của người Chăm, Sdd, tr. 251-340.

17. Xem Ngô Văn Doanh, Lễ hội chuyển mùa của người Chăm, Sdd: Chương năm: Núi Chà Bang, vị thần Po Nai (tr. 92-101); chương sáu : Đền Po Săh Inư, vị thần Po Săh Inư (tr. 102-108) ; chương tám : Đền miếu Po Riya, vị thần Po Riyak (tr. 125-133).

18. Ngô Văn Doanh, Lễ hội chuyển mùa của người Chăm, Sdd, tr. 93.

19. Xem Ngô Văn Doanh, Lễ hội Rija Nugar của người Chăm, Sdd, tr. 257 và 259 và Ngô Văn Doanh, Lễ hội chuyển mùa của người Chăm, Sdd, tr. 216.

20. Xem văn bản Damnây Nai Mah Ghang (tư liệu EFEO tại Kuala Lumpur, kí hiệu CM 246a).

21. Một đoạn văn bản Chăm viết về Po Rayak như sau: «Ja eih wa nathak ulaneh dik apuei di harei klau bingun but bilan pak nan palei ia radak jiéng yang angan po rayak, mbang tui atau angan ku ramat tituk tui cei angan cei praong» (Tạm dịch : Ông Eih Wa tuổi Tị (con rấn) sinh vào ngày thứ tư, mồng ba, tháng tư tại làng Radak. Khi chết biến thành thần cúng (trong lễ Rija Nagar, Rija Harei) mang tên Po Riyak, cúng trong lễ Atâu (Rija Daduap và Rija Praong) mang tên Ramat Tituk và cúng theo Cei mang tên là Cei Praung) (VMST.14. tr. 23).

22. Xem thêm Ngô Văn Doanh, Lễ hội Rija Nugar của người Chăm, Sđd, tr. 220-221.

23. Sakaya, Lễ hội của người Chăm, Sđd, tr. 9. Số liệu cụ thể, xin xem cuốn Những Ngày hội Văn hoá Chăm tại Hà Nội 2004, Trung tâm Triển lãm Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam xuất bản.

24. Đây là một vài danh mục văn bản Chăm ghi chép về những bài tụng ca các vị thần trong lễ Rija (adaoh yang dalam Rija) mà thầy Maduen còn lưu giữ ở vùng Chăm hiện nay như sau :

- Maduen Hiếu, 60 tuổi, thôn Vĩnh Thuận, xã Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (Tư liệu Văn Món sưu tầm mang kí hiệu VMST.2).

- Maduen Haluk, 68 tuổi, thôn Vĩnh Thuận - Ninh Thuận (VMST.4).

- Maduen Đàng Rái, 70 tuổi, thôn Vĩnh Thuận – Ninh Thuận (VMST. 6).

- Maduen Sầm Tánh, 56 tuổi, thôn Bình Nghĩa, xã Phương Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (VMST.16).

- Xem các văn bản về các bài hát lễ Rija (adaoh yang dalam Rija) của EFEO tại Kuala Lumpur như sau: CAM 244, CAM 245, CAM 246a, CAM246b, CAM247, CAM248a, CAM248b, CAM248c, CAM248d

- Xem Inrasara, Văn học Chăm, Tập II- Trường ca, Nxb VHDT, 1996, tr. 263-329.

- Xem bản dịch và sưu tầm (bản viết tay), Những lời hát mời các vị thần của thầy Maduon trong lễ Rija Nugar hoặc Rija Harây của Trương Tồn, tư liệu của Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Chăm Ninh Thuận, Phan Rang, 1998.

25. Inrasara, «Trao đổi về cuốn Lễ hội Rija Nugar của người Chăm của Ngô Văn Doanh», trong tạp chí Văn hoá Dân gian, Số 2, 1998, tr. 88-92 và trong Văn hoá – Xã hội Chăm (Nghiên cứu và đối thoại), Nxb Văn học, 2003, tr. 66-74.

26. Inrasara, Văn hoá – Xã hội Chăm (Nghiên cứu và đối thoại), Sđd, tr. 72.

27. Xem Văn Món, Lễ hội Katê Chăm năm 2000 , Sở Thương mại và Du lịch Ninh Thuận xuất bản năm 2000, tr. 12 ; Sakaya, Lễ hội của người Chăm, Nxb VHDT, Hà Nội, 2003, tr. 139-140.

28. Xem Ngô Văn Doanh, Lễ hội chuyển mùa của người Chăm, Sđd, chú thích số 1, tr. 152.

29. Những bài thánh ca của thầy Kadhar, chúng tôi sưu tầm và dịch lại từ văn bản (tập sách) hát lễ bằng chữ Chăm của các thầy Kadhar Quảng Ánh, 48 tuổi (đã mất 1998) hát lễ Katé và Yuer Yang tại tháp Po Klaong Garai; thầy Kadhar Phú Thang, 78 tuổi (đã mất 2002), thầy phụ hát lễ tại tháp Pô Ina Nagar; và thầy Kadhar Đàng Thái, 60 tuổi hát lễ Katê tháp Po Rome - Ninh Thuận.

30. A. Cabaton, Nouvelles Recherches sur Les Chams, Vol. II, EFEO, Paris, 1901, tr. 98-121.